

Số: /QĐ-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
Điều chỉnh, nâng công suất nhà máy sản xuất hàng nội thất
và cơ khí tiêu dùng Ngọc Sơn**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; Số 16/2021/QĐUBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 07 tháng 09 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT đối với dự án đầu tư nằm ngoài KCN thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND tỉnh.

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Điều chỉnh, nâng công suất nhà máy sản xuất hàng nội thất và cơ khí tiêu dùng Ngọc Sơn của Công ty Cổ phần Ngọc Sơn Hà Nam ngày 13 tháng 12 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Điều chỉnh, nâng công suất nhà máy sản xuất hàng nội thất và cơ khí tiêu dùng Ngọc Sơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 36/CV-NgS ngày 26 tháng 7 năm

2022 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Công ty Cổ phần Ngọc Sơn Hà Nam;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường tại văn bản số 51/CCMT-TĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Điều chỉnh, nâng công suất nhà máy sản xuất hàng nội thất và cơ khí tiêu dùng Ngọc Sơn (sau đây gọi là dự án) của Công ty Cổ phần Ngọc Sơn Hà Nam (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật tại trụ sở UBND xã Trung Lương, văn phòng công ty.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND huyện Bình Lục;
- UBND xã Trung Lương;
- Công ty Cổ phần Ngọc Sơn Hà Nam;
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hào

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
Điều chỉnh, nâng công suất Nhà máy sản xuất hàng nội thất và cơ khí
tiêu dùng Ngọc Sơn của Công ty Cổ phần Ngọc Sơn Hà Nam
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STN&MT ngày tháng năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Điều chỉnh, nâng công suất Nhà máy sản xuất hàng nội thất và cơ khí tiêu dùng Ngọc Sơn.

- Địa điểm: xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ngọc Sơn Hà Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

* Vị trí khu đất thực hiện dự án thuộc địa bàn xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Diện tích đất sử dụng cho dự án là 60.024 m².

* Loại hình đầu tư, công suất thiết kế:

- Loại hình đầu tư: Nhà máy sản xuất hàng nội thất và cơ khí tiêu dùng.

- Công suất sản xuất:

+ Sản phẩm thủ công mỹ nghệ, mây tre đan 4.000.000 sản phẩm/năm (bao gồm: Các loại bát, đĩa từ tre, nứa, vật liệu tết bện: 1.500.000 sản phẩm/năm; Các loại hộp, giỏ đựng đồ từ tre, nứa, vật liệu tết bện: 1.000.000 sản phẩm/năm; Các loại đèn, đồ dùng hàng ngày: đèn Lauter, thìa, muôi từ gỗ: 500.000 sản phẩm/năm; Các sản phẩm phụ khác như các loại ghế, giỏ, hộp đựng đồ từ tre, nứa, vật liệu tết bện: 1.000.000 sản phẩm/năm).

+ Sản phẩm cơ khí kết hợp mây tre đan, vật liệu tết bện 900.000 sản phẩm/năm (bao gồm: Bàn khung thép: 300.000 sản phẩm/năm; Ghế khung thép: 300.000 sản phẩm/năm; Giỏ sọt,... khung thép: 300.000 sản phẩm/năm).

1.3. Các hạng mục, công trình của dự án:

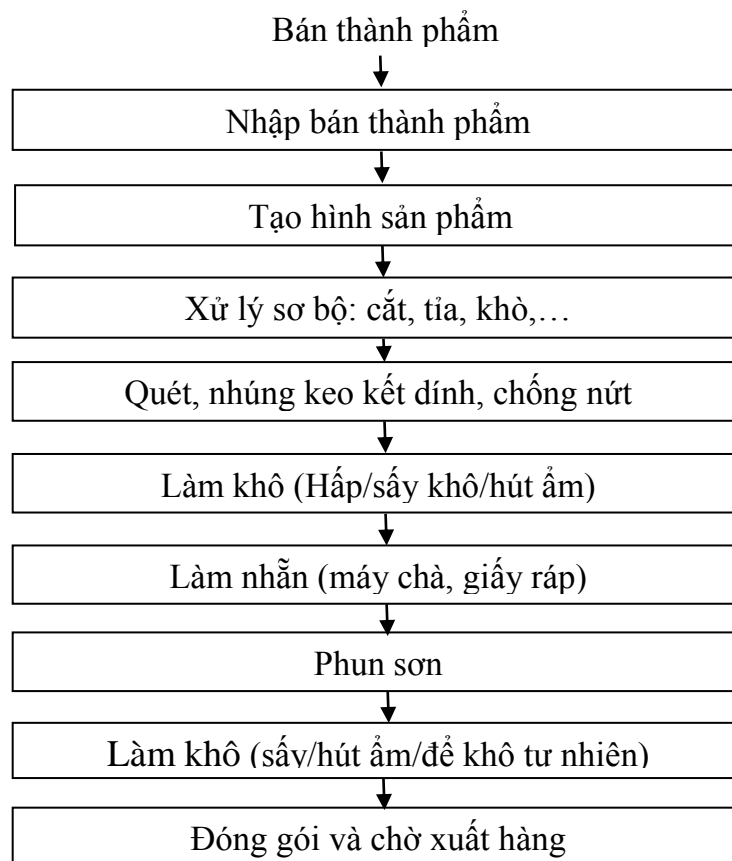
Ký hiệu	Hạng mục công trình	Số tầng	Theo 735/MBQH (17/7/2014) (m ²)	Diện tích quy hoạch mới (m ²)	Tăng(+) giảm (-)	Hiện trạng
I	Các hạng mục công trình chính					
1	Nhà điều hành, trung bày sản phẩm	2	440	440	0	Đã xây dựng và đang hoạt động, riêng nhà xưởng 7.3 hiện
7.1	Nhà xưởng sản xuất	1	5.880	5.880	0	
7.2	Nhà kho	1	5.880	7.840	+1.960	

Ký hiệu	Hạng mục công trình	Số tầng	Theo 735/MBQH (17/7/2014) (m ²)	Diện tích quy hoạch mới (m ²)	Tăng(+) giảm (-)	Hiện trạng
7.3	Nhà xưởng sản xuất	1	4.998	2.352	- 2.646	được sử dụng để sản xuất thử nghiệm hàng cơ khí
8	Nhà kho chứa hàng	1	7.884	7.884,0	0	
8.1	Nhà xưởng sản xuất cơ khí	1	0	2.500	+2.500	Chưa xây dựng theo Bản vẽ điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng
22	Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm	1	0	370	+370	
II	Các hạng mục công trình phụ trợ					
2	Sân tennis	0	1.374	771.2	-602.8	Đã xây dựng và đang hoạt động
3	Hồ nước điều hòa, PCCC	0	1.743	1.743	0	
4	Nhà để xe máy	1	1.027	1.977,9	+950,9	
5	Nhà ăn	1	640	640	0	
6	Nhà nghỉ cán bộ, nhân viên	2	221	221	0	
9	Sân chơi TDTT	1	527	391	-136,5	
11	Trạm biến áp	1	11	40,5	+29,5	
12	Trạm bơm	1	12	12	0	
13	Nhà khí nén	1	21	33	+12	
14	Lò sấy	1	31	67,5	+36,5	
15	Khu máy phát điện dự phòng	1	31	40,5	+9,5	
17	Khu luộc hàng	1	31	67,5	+36,5	Chưa xây dựng theo Bản vẽ điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng
18.1	Nồi hơi đốt củi 3T/h	-	31	124	93	
18.2	Nồi hơi đốt củi 5T/h	-	31	115,7	84,7	
19	Cổng, nhà bảo vệ (02 nhà x 24,4 m ²)	-	48,8	48,8	0	Đã xây dựng và đang hoạt động
21	Tháp nước	-	0	20	+20	
23	Nhà vệ sinh số 1	1	0	58,5	+58,5	
24	Nhà vệ sinh số 2	1	0	56	+56	
26	Sân đường giao	-	17.857,5	14.514,8	-3.342,7	

Ký hiệu	Hạng mục công trình	Số tầng	Theo 735/MBQH (17/7/2014) (m ²)	Diện tích quy hoạch mới (m ²)	Tăng(+) giảm (-)	Hiện trạng
	thông nội bộ					
III	Các hạng mục công trình BVMT					
10.1	Khu xử lý nước thải	0	169	220	+51	Đang hoàn thiện cải tạo, nâng cấp
10.2	Ao sinh học	0	182	145	-37	
10.3	Ao nước	0	0	150	+150	
16	Khu rác thải	1	100	75	-25	Đã xây dựng và đang hoạt động
18.3	Khu vực ống khói nồi hơi đốt củi	1	31	81	+50	
20	Máy hút bụi tổng		0,0	24,0	+24,0	
25	Cây xanh thảm cỏ		10.798,7	13.158,1	+2.359,4	
-	Rãnh thu gom và thoát nước mưa (m)			1.800		
-	Hố ga lắng cặn (cái)			36		
-	Bể tự hoại 3 ngăn (đặt ngầm) (bể)			05		
-	Hệ thống thoát nước thải (HDPE D60) (m)			500		
	Rãnh thu gom nước thải BTCT (m)			302		
-	Trạm xử lý nước thải công suất 100m ³ /ngđ			01 hệ thống		Đang hoàn thiện cải tạo, nâng cấp
-	Bể tách mỡ nước thải nhà bếp			01 cái		Đã xây dựng

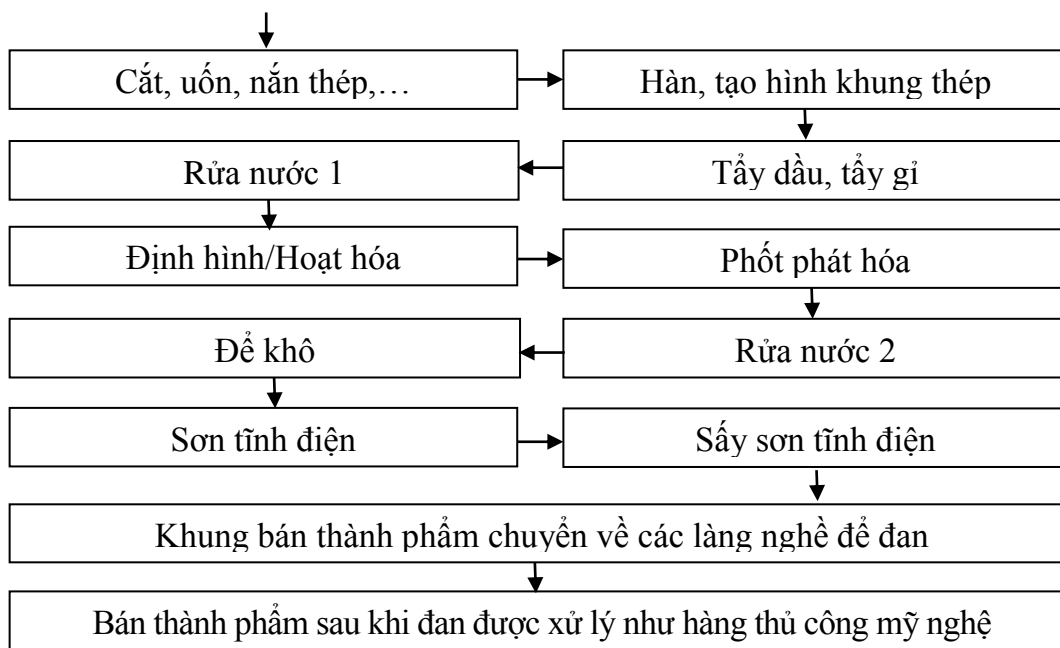
1.4. Quy trình sản xuất của dự án

1.4.1. Quy trình sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ



1.4.2. Quy trình sản xuất hàng cơ khí kết hợp thủ công mỹ nghệ

Nguyên liệu (thép dây, thép ống,...)



2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

2.1.1. Giai đoạn triển khai xây dựng mở rộng nhà xưởng

* Tác động của hoạt động thi công xây dựng

- Nước thải gồm: Nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải thi công xây dựng, nước thải rửa xe, nước mưa chảy tràn.

- Bụi, khí độc từ máy móc thi công, phương tiện vận chuyển vật liệu thi công xây dựng,...

- Chất thải rắn thông thường: Rác thải sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng.

- Chất thải nguy hại.

* Tác động của hoạt động sản xuất của nhà máy hiện trạng

- Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất, sản phẩm, từ hoạt động sản xuất.

- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn

- Chất thải rắn sinh hoạt.

- Chất thải rắn sản xuất.

- Chất thải nguy hại.

* Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung.

2.1.2. Giai đoạn hoạt động của dự án

- Các nguồn thải chính trong giai đoạn vận hành của dự án bao gồm:

+ Phương tiện vận tải nguyên liệu và sản phẩm.

+ Quá trình tập kết nguyên liệu và sản phẩm.

+ Quá trình sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

+ Quá trình sản xuất hàng cơ khí (kết hợp thủ công mỹ nghệ);.

- + Quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.
- Chất thải phát sinh bao gồm:
 - + Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất, sản phẩm, từ hoạt động sản xuất hàng cơ khí và thủ công mỹ nghệ, nồi hơi.
 - + Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn.
 - + Chất thải rắn sinh hoạt.
 - + Chất thải rắn sản xuất.
 - + Chất thải nguy hại.
- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung, sự cố hệ thống xử lý khí thải, nước thải, sự cố hóa chất,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng thêm nhà xưởng:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường và của cán bộ nhân viên nhà máy.
 - + Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng có lưu lượng 1,0 m³/ngày.
 - + Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên nhà máy có lưu lượng 32,6 m³/ngày.
 - + Thành phần: chứa nhiều chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ dễ phân huỷ (BOD₅, COD), chất dinh dưỡng (N, P) và các vi khuẩn gây bệnh,...
- Nước thải sản xuất của nhà máy hiện trạng:
 - + Lưu lượng nước thải sản xuất 27,28 m³/ngày.
 - + Thành phần chính: pH, chất rắn lơ lửng, hóa chất, kim loại,...
- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng nước mưa chảy tràn 1,335 m³/s. Thành phần chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn chủ yếu là TSS, COD, tổng nitơ, photpho, pH.

2.2.2. Giai đoạn vận hành của dự án

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên nhà máy:
 - + Lưu lượng phát sinh nước thải sinh hoạt: 35 m³/ngày.đêm.
 - + Thành phần: chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ dễ phân huỷ (BOD₅, COD), chất dinh dưỡng (N, P) và các vi khuẩn gây bệnh,...
- Nước thải sản xuất:
 - + Lưu lượng nước thải sản xuất: 50,75 m³/ngày.đêm, phát sinh từ quá trình xử lý khí thải nồi hơi, nước xả đáy nồi hơi, nước thải từ quá trình xử lý khí thải kiểu màng nước, nước rửa xử lý bề mặt kim loại, nước vệ sinh công nghiệp.
 - + Thành phần chính: pH, chất rắn lơ lửng, hóa chất, kim loại,...
- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 1,335 m³/s. Thành phần chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn chủ yếu là TSS, COD, Tổng Nito, Tổng Photpho.

2.3. Quy mô, tính chất của khí thải:

2.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi và khí thải của các phương tiện vận tải nguyên liệu và sản phẩm của nhà máy hiện trạng, vận chuyển vật liệu thi công, hoạt động của máy móc thi công do tiêu thụ nhiên liệu (dầu DO), quá trình hàn cắt kim loại, sơn hoàn thiện với các chất ô nhiễm như bụi SO₂, CO, NO₂, VOC.

- Bụi và khí thải từ quá trình sản xuất của nhà máy hiện trạng: hơi keo từ quá trình quét nhúng keo, bụi sơn và khí thải từ quá trình phun sơn hàng thủ công mỹ nghệ, bụi từ quá trình làm nhẵn bề mặt, bụi và khí thải công đoạn khắc laze, bụi và khí thải do hoạt động của nồi hơi, khí thải từ quá trình hàn cắt kim loại, hơi hóa chất xử lý bề mặt, bụi và khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu sấy sơn tĩnh điện.

2.3.2. Giai đoạn vận hành của dự án

- Bụi và khí thải của các phương tiện vận tải nguyên liệu và sản phẩm do tiêu thụ nhiên liệu (dầu DO) với các chất ô nhiễm như bụi SO₂, CO, NO₂, VOC.

- Bụi và khí thải từ quá trình sản xuất của nhà máy: bụi và khí thải từ quá trình bốc dỡ và tập kết nguyên liệu và sản phẩm, hơi keo từ quá trình quét nhúng keo, bụi sơn và khí thải từ quá trình phun sơn hàng thủ công mỹ nghệ, bụi từ quá trình làm nhẵn bề mặt, bụi và khí thải công đoạn khắc laze, bụi và khí thải do hoạt động của nồi hơi, khí thải từ quá trình hàn cắt kim loại, hơi hóa chất xử lý bề mặt, bụi và khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu sấy sơn tĩnh điện.

2.4. Quy mô, tính chất của thải rắn thông thường

2.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với hoạt động xây dựng: Chất thải rắn xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 1,627 tấn/quá trình. Thành phần gồm: sắt vụn, gỗ thừa, vữa, gạch, bao bì đựng nguyên liệu,...

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh với khối lượng khoảng 44,7 kg/ngày, trong đó khối lượng rác sinh hoạt của nhà máy hiện trạng khoảng 34,7kg/ngày, khối lượng rác sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 10kg/ngày. Bao gồm: rau, củ quả, các loại bao bì, giấy vụn...

- Chất thải rắn công nghiệp từ hoạt động hiện tại của nhà máy: phát sinh với khối lượng khoảng 138,95 kg/ngày. Thành phần gồm: Bavia đầu thừa khi xử lý sơ bộ bán thành phẩm; Bìa, giấy vụn, nhãn mác hỏng; Nilon, bao bì, dây đai buộc; Chất thải tổng hợp từ vệ sinh công nghiệp nhà xưởng,...

2.4.2. Giai đoạn vận hành của dự án

- Chất thải sinh hoạt phát sinh với khối lượng 37,31 kg/ngày. Thành phần bao gồm: rau, củ quả, các loại bao bì, giấy vụn,...

- Chất thải rắn công nghiệp: phát sinh với khối lượng khoảng 204,28 kg/ngày. Thành phần gồm: Bavia đầu thừa khi xử lý sơ bộ bán thành phẩm; Bìa, giấy vụn, nhãn mác hỏng; Nilon, bao bì, dây đai buộc; Chất thải tổng hợp từ vệ sinh công nghiệp nhà xưởng,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công với khối lượng khoảng 13,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau, sơn thải, dầu nhớt thải, que hàn thừa,...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của nhà máy hiện trạng với khối lượng khoảng 28,3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Pin ắc quy thải; Than hoạt tính xử lý khí thải; Bụi nồi hơi có thành phần nguy hại; Dầu mầu gỗ thừa,

gỗ dán vụi, mây tre thái có thành phần nguy hại; Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh; Sơn, cặn sơn, vecni; Vật liệu cách nhiệt có amiang thái; Bao bì mềm dính thành phần nguy hại; Bao bì cứng dính thành phần nguy hại; Bao bì cứng bằng nhựa dính thành phần nguy hại; Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải nhám, giấy nhám, găng tay dính thành phần nguy hại; Hộp mực thái; Chất kết dính, chất bịt kín có thành phần nguy hại; Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải; Dung môi thái; Dầu bôi trơn tổng hợp thái,...

2.5.2. Giai đoạn vận hành của dự án

- Chất thải nguy hại với khối lượng phát sinh khoảng 35,39 kg/ngày.
- Thành phần chủ yếu gồm: Pin ắc quy thái; Than hoạt tính xử lý khí thải; Bụi nồi hơi có thành phần nguy hại; Dầu mẫu gỗ thừa, gỗ dán vụi, mây tre thái có thành phần nguy hại; Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh; Sơn, cặn sơn, vecni; Vật liệu cách nhiệt có amiang thái; Bao bì mềm dính thành phần nguy hại; Bao bì cứng dính thành phần nguy hại; Bao bì cứng bằng nhựa dính thành phần nguy hại; Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải nhám, giấy nhám, găng tay dính thành phần nguy hại; Hộp mực thái; Chất kết dính, chất bịt kín có thành phần nguy hại; Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải; Dung môi thái; Dầu bôi trơn tổng hợp thái,...

2.6. Quy mô một số tác động khác không liên quan đến chất thải

2.6.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Ô nhiễm về tiếng ồn, độ rung do các xe vận chuyển, các máy móc và phương tiện thi công xây dựng.
- Sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sự cố cháy nổ,... tại khu vực công trường thi công cũng như khu vực nhà máy hiện trạng.

2.6.2. Giai đoạn vận hành của dự án

- Ô nhiễm về tiếng ồn, độ rung do các xe vận chuyển, thiết bị và máy móc sản xuất.
- Rủi ro, sự cố chập điện, cháy nổ, tai nạn lao động, ngộ độc thực phẩm,...
- Sự cố đối với nồi hơi và các thiết bị chịu áp lực.
- Rủi ro, sự cố rò rỉ, vỡ hệ thống thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải, khí thải, hệ thống PCCC.
- Sự cố hóa chất.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng và cán bộ nhân viên của nhà máy: được thu gom và xử lý tại nhà máy hiện trạng.
- Nước thải sản xuất của nhà máy hiện trạng: được thu gom và xử lý tại trạm xử lý nước thải đã cải tạo, trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 100 m³/ngày.đêm.

- Nước mưa chảy tràn: thu gom và tiêu thoát bằng hệ thống thu gom và thoát nước của nhà máy hiện trạng, đảm bảo hệ thống thoát nước không bị tắc nghẽn, không gây ngập úng.

3.1.2. Biện pháp thu gom giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

* Đối với hoạt động thi công xây dựng:

- Phun nước dập bụi khu vực cải tạo xây dựng.
- Lắp đặt rào tôn cao 3m xung quanh khu vực xây dựng công trình.
- Ô tô chuyên chở nguyên vật liệu phải có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công.

- Quy định tốc độ xe ra vào công trình, vận hành máy móc đúng thông số kỹ thuật đã quy định.

- Sử dụng các loại xe được đăng kiểm theo quy định,...

* Đối với hoạt động của nhà máy hiện trạng:

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình phun sơn hàng thủ công mỹ nghệ: đã lắp đặt 06 hệ thống thu gom và xử lý khí thải màng nước kết hợp hấp phụ bằng tấm lọc than hoạt tính, gồm: 02 hệ thống thu gom và xử lý khí thải cho 02 hệ thống phun sơn tự động; 04 hệ thống thu gom và xử lý khí thải cho 04 hệ thống phun sơn thủ công.

- Giảm thiểu bụi từ quá trình làm nhẵn bề mặt (mài, chà nhám): Lắp đặt 03 hệ thống lọc bụi tổng bằng thiết bị lọc bụi túi vải để thu gom và xử lý bụi phát sinh từ các công đoạn của quá trình sản xuất.

- Giảm thiểu khí thải nôi hơi: Bụi và khí thải nôi hơi được thu gom và xử lý bằng Xyclon và hấp thụ bằng dung dịch NaOH.

- Giảm thiểu bụi quá trình đốt nhiên liệu sấy sơn tĩnh điện: Bụi thải được thu gom và xử lý bằng xyclon.

3.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

* Chất thải sinh hoạt:

- Chất thải sinh hoạt khu vực thi công xây dựng:

+ Bố trí 02 thùng rác dung tích 60 lít/thùng để lưu giữ rác thải.

+ Rác sinh hoạt được thu gom về kho chứa của công ty và được quản lý cùng với chất thải sinh hoạt của nhà máy hiện trạng.

- Chất thải sinh hoạt của nhà máy hiện trạng:

+ Bố trí thùng rác để thu gom rác thải sinh hoạt trong nhà máy: 12 thùng dung tích 02 lít/thùng, 18 thùng dung tích 5 lít/thùng.

+ Kho lưu giữ tập kết rác sinh hoạt được bố trí cùng với khu lưu giữ rác công nghiệp, trong kho bố trí thùng rác để tập kết rác sinh hoạt của toàn bộ nhà máy, số lượng thùng rác: 04 thùng dung tích 120 lít/thùng, 04 thùng dung tích 60 lít/thùng.

+ Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định với tần suất 2 ngày/lần.

* Chất thải rắn xây dựng:

- Quản lý chất thải rắn xây dựng theo đúng quy định Quyết định số 44/2017/QĐ - UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy định quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn xây dựng: đối với đất đá thải, gạch vỡ được thu gom, tập kết gọn và thuê đơn vị thu gom vận chuyển; các loại chất thải khác như sắt thép thừa, gỗ giấy,... được thu gom lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp của nhà máy.

- Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển đổ thải đúng vị trí quy định.

* Chất thải rắn công nghiệp của nhà máy sản xuất hiện trạng:

- Được phân loại, thu gom và lưu giữ tại kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp của nhà máy.

- Khu vực lưu giữ rác công nghiệp có kích thước $L \times B \times H = 4,5 \times 4,2 \times 4,913$ (m), được ngăn thành 02 phần, 01 phần để lưu giữ rác sản xuất và 01 phần để lưu giữ rác sinh hoạt. Trong kho bố trí thùng rác để lưu giữ rác công nghiệp, số lượng thùng rác: 18 thùng dung tích 60 lít/thùng.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp theo quy định.

3.1.4. Biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

* Đối với hoạt động thi công xây dựng:

- Thu gom và phân loại chất thải nguy hại đúng quy định về quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại về khu lưu giữ chất thải nguy hại của nhà máy để quản lý chung với chất thải nguy hại của nhà máy.

* Đối với hoạt động của nhà máy hiện trạng:

- Thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải nguy hại tại kho lưu giữ chất thải nguy hại của nhà máy.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại có kích thước: dài x rộng x cao = $16,8 \times 4,5 \times 4,913$ (m), trong kho bố trí thùng chứa để lưu giữ chất thải nguy hại, số lượng: 18 thùng dung tích 60 lít/thùng.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

* Đối với hoạt động thi công xây dựng:

Sử dụng các thiết bị, máy móc được kiểm chuẩn, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; lắp đặt thiết bị giảm ồn cho những máy móc, thiết bị có mức ồn cao; không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ trưa.

* Đối với hoạt động của nhà máy hiện trạng:

- Khu vực thi công xây dựng nhà xưởng mới được phân cách với các nhà xưởng hiện hữu bằng tôn cao 3m.

- Phân bố thời điểm vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị cho thi công không trùng với thời điểm đổi ca, tan ca của các nhà xưởng hiện hữu.

- Bố trí cán bộ an toàn điều phối các phương tiện thi công và giám sát các công tác an toàn trong thi công.

3.2. Giai đoạn triển khai vận hành dự án

3.2.1. Biện pháp thu gom và xử lý nước thải

* Xử lý sơ bộ nước thải:

- Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

+ Xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp bằng bể tách dầu mỡ thể tích 0,935 m³.

+ Xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh: bằng 05 bể tự hoại tại các khu vực nhà văn phòng điều hành, nhà nghỉ cán bộ, nhân viên, xưởng 1, khu nhà vệ sinh chung.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ được dẫn về trạm XLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Xử lý sơ bộ nước thải sản xuất:

+ Quy trình xử lý sơ bộ nước thải sản xuất hàng cơ khí: Nước thải → Điều chỉnh pH và tạo kết tủa → Phản ứng nhanh → Phản ứng chậm → Lắng hóa lý → Về trạm XLNT tập trung.

+ Quy trình xử lý sơ bộ nước thải sản xuất khác: Nước thải → Điều chỉnh pH → Phản ứng nhanh → Phản ứng chậm → Lắng hóa lý → Về trạm XLNT tập trung.

* Trạm xử lý nước thải tập trung:

- Toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ được đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày.đêm.

- Quy trình xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng vi sinh → Bể trung gian → Hệ thống lọc cao áp → Bể khử trùng → Cột A, QCVN40:2011/BTNMT → Nguồn tiếp nhận (Mương thoát nước phía Tây Nam dự án).

- Bể sự cố nước thải gồm 02 bể: bể 1, dung tích 40m³; bể 2, dung tích 87m³.

* Thu gom và thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

- Quy trình thu gom và thoát nước mưa:

+ Nước mưa mái → Ống PVC D65-110 → Rãnh thu nước mặt chạy quanh các khu nhà → Hố ga lắng cặn → Nguồn tiếp nhận.

+ Nước mưa bề mặt → Rãnh thu nước mặt → Hố ga lắng cặn → Nguồn tiếp nhận (Mương thoát nước phía Tây Nam dự án).

Thông số rãnh thoát nước: rộng x sâu = 0,5mx1,0m, hố ga: rộng x sâu = 1,2mx1,2m, số lượng hố ga: 36 cái, khoảng cách giữa 2 hố ga: 30-50m.

3.2.1. Biện pháp xử lý bụi, khí thải

* Biện pháp xử lý khí thải công đoạn sơn hàng thủ công mỹ nghệ:

- Hệ thống xử lý khí thải kiểu màng nước kết hợp hấp phụ bằng tấm lọc than hoạt tính được lắp đặt đồng bộ với dây chuyền phun sơn.

- Lắp đặt 06 hệ thống thu gom và xử lý khí thải gồm:

+ 02 hệ thống thu gom và xử lý khí thải của 02 hệ thống phun sơn tự động:

♦ Thông số hệ thống Máy phun sơn tự động số 1 có hệ thống xử lý khí thải lắp đặt đồng bộ: Model PF-3060-4-48-14T (Nhật Bản); kích thước thiết bị: dài x rộng x cao = 19,98 x 5,77x3,92 (m), 380V/50Hz, 3 pha; công suất quạt hút khí thải 0,4kW, lưu lượng 1.600 m³/h; tấm lọc than hoạt tính: dạng xốp, dày 10mm trọng lượng riêng 300g/m², số lượng 3-10 tấm, tần suất thay tấm lọc than hoạt tính 03 tháng/lần; ống thoát khí sau xử lý: D200mm, thép không gỉ.

♦ Thông số hệ thống Máy phun sơn tự động số 2 có hệ thống xử lý khí thải lắp đặt đồng bộ: Model PF-3060-4-48-14T (Nhật Bản); kích thước thiết bị: dài x rộng x cao = 23,0 x 5,0x4,10 (m), 380V/50Hz, 3 pha; công suất quạt hút khí thải 0,12kW; lưu lượng 1.080 m³/h; tấm lọc than hoạt tính: dạng xốp, dày 10mm trọng lượng riêng 300g/m², số lượng 3 tấm, tần suất thay tấm lọc than hoạt tính 03 tháng/lần; ống thoát khí sau xử lý: D200mm, thép không gỉ.

+ 04 hệ thống thu gom và xử lý khí thải của 04 hệ thống phun sơn thủ công: Thông số kỹ thuật của 01 hệ thống xử lý khí thải lắp đặt đồng bộ cho 01 máy phun sơn thủ công: Công suất quạt hút khí thải 0,12kW; Số lượng quạt hút: 02 cái, lưu lượng: 1.080 m³/h; Tấm lọc than hoạt tính: dạng xốp, dày 10mm, số lượng: 3-6 tấm, kích thước: 600x600x10 (mm), tần suất thay tấm lọc than hoạt tính 03 tháng/lần; Ống thoát khí sau xử lý: D500mm, thép không gỉ.

* Biện pháp xử lý bụi công đoạn làm nhẵn mịn sản phẩm (chà, đánh giấy ráp):

- Lắp đặt 03 hệ thống thu gom và lọc bụi tổng cho nhà máy.

- Hệ thống lọc bụi tổng số 1: Đường ống thu gom: D100-D850, tôn tráng kẽm; Động cơ 75kW, lưu lượng 50.000-55.000 m³/h; Túi lọc kích thước DxL = 150x2500 (mm), Số lượng túi lọc: 320 cái, số lượng khung túi: 320 cái, lọc bụi túi vải kiểu PE500 chịu dầu, chịu nước, van rũ bụi: 32 cái, van lọc khí: 02 cái, xả bụi bằng van xoay, vít tải xả bụi giảm tốc, khí nén 5-7kg/cm²; Chiều cao ống khói: 20m, Đường kính: Ø780mm, Vật liệu: inox.

- Hệ thống lọc bụi tổng số 2 và 3: Đường kính ống thu gom: D100-D850, tôn tráng kẽm; Động cơ 75kW, lưu lượng 55.000 m³/h; Túi lọc: Kích thước DxL = 150x2500 (mm), số lượng túi lọc: 300 cái, số lượng khung túi: 300 cái, lọc bụi túi vải kiểu PE500 chịu dầu, chịu nước, van rũ bụi: 30 cái, van lọc khí: 02 cái, Xả bụi bằng van xoay, vít tải xả bụi giảm tốc, khí nén 5-7kg/cm²; Chiều cao ống khói: 20m, Đường kính: Ø780mm, Vật liệu: inox.

* Biện pháp xử lý khí thải nội hơi:

- Quy trình xử lý: Khí thải → Xyclon tách bụi → Bể thấp thụ dung dịch NaOH → Khí sạch thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Thông số kỹ thuật: Số lượng 01 xyclon, đường kính D700mm, vật liệu thép CT3; Động cơ 22kW, lưu lượng 10.000 m³/h; Ống khói: cao 20m, đường kính: Ø780mm, vật liệu: thép chống gỉ.

* Biện pháp xử lý khí thải buồng đốt lò sấy sơn tĩnh điện:

- Quy trình xử lý: Khí thải → Xyclon tách bụi → Khí sạch thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Thông số kỹ thuật: đường kính Xyclon D500 mm, lưu lượng: 1.400 m³/h, Vật liệu: inox; Ống thoát khí: cao 20m, đường kính: Ø850mm, vật liệu: thép mạ kẽm dày 0,8mm.

3.2.3. Biện pháp thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt: được quản lý tương tự như nhà máy hiện trạng.

+ Bố trí thùng rác để thu gom rác thải sinh hoạt trong nhà máy: 12 thùng dung tích 02 lít/thùng, 18 thùng dung tích 5 lít/thùng.

+ Kho lưu giữ tập kết rác sinh hoạt được bố trí cùng với khu lưu giữ rác công nghiệp, bố trí thùng rác 04 thùng dung tích 120 lít/thùng, 04 thùng dung tích 60 lít/thùng.

+ Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định với tần suất 2 ngày/lần.

* Chất thải rắn công nghiệp: được quản lý tương tự như nhà máy hiện trạng

- Được phân loại, thu gom và lưu giữ tại kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp của nhà máy.

- Khu vực lưu giữ rác công nghiệp có kích thước LxBxH = 4,5x4,2x4,913 (m), được ngăn thành 02 phần, 01 phần để lưu giữ rác sản xuất và 01 phần để lưu giữ rác sinh hoạt. Trong kho bố trí thùng rác để lưu giữ rác công nghiệp, số lượng thùng rác: 18 thùng dung tích 60 lít/thùng.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp theo quy định.

3.2.4. Biện pháp thu gom và xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại được thu gom và quản lý như nhà máy hiện trạng.

- Thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải nguy hại tại kho lưu giữ chất thải nguy hại của nhà máy.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại có kích thước: dài x rộng x cao = 16,8x4,5x4,913 (m), trong kho bố trí 18 thùng dung tích 60 lít/thùng chứa để lưu giữ chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khác:

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Sử dụng máy móc thiết bị đồng bộ, hiện đại.

+ Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc.

+ Máy nén khí và các thiết bị có mức ồn cao mà không nằm trong quy trình công

nghệ được tách riêng khu vực sản xuất, bao che bằng tường gạch và mái bê tông.

+ Duy trì diện tích cây xanh.

+ Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện tránh ồn như nút bịt tai, mũ, quần áo BHLĐ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức ồn cao như cắt, khí nén,...

+ Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

+ Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố thiết bị chịu áp lực:

+ Kiểm định định kỳ các thiết bị chịu áp lực

+ Vận hành đúng quy trình

+ Thực hiện vệ sinh, bảo dưỡng, duy tu định kỳ

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trình cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

- Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Trang bị các thiết bị dự phòng của trạm xử lý nước thải như: bơm, máy khuấy, phao báo mực nước trong các bể, máy thổi khí... nhằm có sẵn thay thế khi xảy ra sự cố đảm bảo hoạt động của trạm xử lý không bị gián đoạn.

+ Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống, rò rỉ bể xử lý, hỏng bơm và các thiết bị xử lý, chập điện,... tần suất kiểm tra là 01 lần/ngày.

+ Có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện nguyên nhân khi xảy ra sự cố.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải, có bể chứa khí có sự cố hỏng hệ thống xử lý nước thải.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Công trình xử lý khí thải:

+ Hệ thống xử lý khí thải kiểu màng nước kết hợp than hoạt tính cho hệ thống phun sơn hàng thủ công mỹ nghệ: 06 hệ thống.

+ Hệ thống xử lý bụi tổng: 03 hệ thống lọc bụi túi vải.

+ Hệ thống xử lý khí thải nôi hơi: 01 hệ thống xử lý bụi Xyclon và hấp thụ bằng dung dịch NaOH.

+ Hệ thống xử lý khí thải lò sấy sơn tĩnh điện: 03 hệ thống Xyclon.

- Công trình thu gom và xử lý nước thải:

+ Thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: 01 bể tách mỡ và 05 bể tự hoại.

+ Thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sản xuất: 02 hệ thống hóa lý xử lý sơ bộ nước thải sản xuất.

+ Trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy: 01 trạm xử lý nước thải công suất $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Bể sục cố nước thải gồm 02 bể: bể 1, dung tích 40m^3 ; bể 2, dung tích 87m^3 .

- Công trình lưu giữ chất thải rắn và chất thải nguy hại:

+ Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp tổng diện tích 93m^2 .

+ Khu lưu giữ chất thải nguy hại: diện tích 371m^2 .

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng thêm nhà xưởng

* Giám sát môi trường khí thải:

- Vị trí giám sát: Trong ống khói sau hệ thống xử lý của buồng phun sơn thủ công số 1, buồng phun sơn thủ công số 2, buồng phun sơn thủ công số 3, buồng phun sơn thủ công số 4, máy sơn tự động số 1, máy sơn tự động số 2, hệ thống hút bụi tổng số 1, hệ thống hút bụi tổng số 2, hệ thống hút bụi tổng số 3, hệ thống buồng đốt lò sấy sơn tĩnh điện, hệ thống xử lý khí thải nồi hơi.

- Thông số quan trắc: đặc trưng cho từng nguồn thải.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN19:2009/BTNMT, QCVN20:2009/BTNMT.

* Giám sát môi trường nước thải:

- Vị trí giám sát: Nước thải trước xử lý và sau xử lý của nhà máy.

- Thông số quan trắc: pH, Màu, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Zn, Fe, Mn, Ni, Cu, SO₄²⁻, PO₄³⁻, Coliform, Lưu lượng

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$).

* Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Các vấn đề cần giám sát:

+ Số lượng phát sinh (kg/tháng), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.

+ Cách thức xử lý chất thải (thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý).

- Tần suất giám sát: Thường xuyên

- Hoạt động giám sát chất thải đảm bảo theo các quy định hiện hành.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án

* Giám sát môi trường khí thải:

- Vị trí giám sát: Trong ống khói sau hệ thống xử lý của buồng phun sơn thủ công số 1, buồng phun sơn thủ công số 2, buồng phun sơn thủ công số 3, buồng phun sơn thủ công số 4, máy sơn tự động số 1, máy sơn tự động số 2, hệ thống hút bụi tổng số 1, hệ thống hút bụi tổng số 2, hệ thống hút bụi tổng số 3, hệ thống buồng đốt lò sấy sơn tĩnh điện, hệ thống xử lý khí thải nồi hơi.

- Thông số quan trắc: đặc trưng cho từng nguồn thải.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN19:2009/BTNMT, QCVN20:2009/BTNMT.

* Giám sát môi trường nước thải:

- Vị trí giám sát: Nước thải trước xử lý và sau xử lý của nhà máy.

- Thông số quan trắc: pH, Màu, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Zn, Fe, Mn, Ni, Cu, SO₄²⁻, PO₄³⁻, Coliform, Lưu lượng

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$).

* Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại:

- Giám sát công tác quản lý và thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

- Các vấn đề cần giám sát:

+ Số lượng phát sinh (kg/tháng), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.

+ Cách thức xử lý chất thải (thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý).

- Tần suất giám sát: Thường xuyên

- Hoạt động giám sát chất thải đảm bảo theo các quy định hiện hành.

* Giám sát sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải, kho chứa hoá chất.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau:

6.1. Vận hành thường xuyên các công trình xử lý môi trường đảm bảo xử lý các chất thải đúng quy chuẩn môi trường.

6.2. Lập kế hoạch và thực hiện phương án tổ chức thi công đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo diện tích theo quy định.

6.4. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật, lưu giữ tại cơ sở và gửi về cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường làm cơ sở kiểm tra, giám sát.

6.5. Trường hợp để xảy ra sự cố về môi trường, khiếu kiện của người dân chủ dự án phải dừng ngay hoạt động, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và chính quyền địa phương để khắc phục sự cố và bồi thường thiệt hại theo quy định.